BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /GPMT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026.*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 276/CV/DaHC ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Văn bản số 282/CV/DaHC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih về việc trình báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở "Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih, địa chỉ tại số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở "Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih" tại phường Nam Gia Nghĩa và phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Nam Gia Nghĩa và phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 6400036989, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 9 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12 tháng 7 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 6400036989.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất điện (nhà máy thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô của Cơ sở:

- Cơ sở có tổng diện tích khoảng 15.608.814,51 m^2, bao gồm: Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên và Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 144 MW (Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên có công suất 82 MW gồm 02 tổ máy (H1 và H2, mỗi tổ 41 MW) và Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới có công suất 62 MW, gồm 02 tổ máy (H3 và H4, mỗi tổ 31 MW); trạm biến áp 220 kV).

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: hồ chứa bậc trên → cửa lấy nước bậc trên → đường ống áp lực bậc trên → Nhà máy thủy điện bậc trên (tuabin phát điện) → cửa xả bậc trên → cửa lấy nước bậc dưới → đường hầm dẫn nước bậc dưới → Nhà máy thủy điện bậc dưới (tuabin phát điện) → trạm biến áp 220 kV.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày *05* tháng *01* năm 2033.).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Công Thành

Nơi nhận:
- Bộ trưởng Trần Đức Thắng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lâm Đồng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Lâm Đồng;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih;
- Lưu: VT, MT.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên.

- Nguồn số 02: Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới.

1.2. Nguồn nước thải nhiễm dầu:

- Nguồn số 03: khu vực tổ máy phát điện của nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên.

- Nguồn số 04: khu vực tổ máy phát điện của nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Suối Đắk R'Tih, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng tiếp nhận dòng nước thải số 01 của Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên.

- Sông Đồng Nai, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng tiếp nhận dòng nước thải số 02 của Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới.

2.2. Vị trí xả nước thải:

2.2.1. Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên:

- Suối Đắk R'Tih đoạn chảy qua địa bàn phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3°)*: X(m) = 1321151; Y(m) = 408305; dòng thải số 01 (tương ứng nguồn số 03).

2.2.2. Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới:

- Sông Đồng Nai đoạn chảy qua địa bàn phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3°)*: X(m) = 1317599; Y(m) = 409622; dòng thải số 02 (tương ứng nguồn số 04).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (theo cam kết và đề nghị của Công ty) 30 m^3/ngày (24 giờ) trong đó:

- Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 03): 15,0 m^3/ngày đêm.

- Dòng nước thải số 02 (tương ứng nguồn số 04): 15,0 m^3/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 03) và dòng nước thải số 02 (tương ứng nguồn số 04): bơm cưỡng bức, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải (dòng nước thải số 01 và dòng nước thải số 02) trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo đảm QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B bảng 1 (F ≤ 2.000 m^3/ngày đêm) và cột B, bảng 2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Bảng 1 (F ≤ 2.000 m^3/ngày đêm)	Bảng 2, cột B		
1	pH	-	-	6 đến 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80	-		
3	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	≤ 5,0		

Ghi chú: áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) theo đề nghị và cam kết của Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về các thiết bị xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 và nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh (sau khi qua bể tự hoại) được thu gom toàn bộ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (không xả ra ngoài môi trường).

- Nguồn số 03: nước nhiễm dầu được thu gom về hố thu trước khi xả vào suối Đắk R'Tih.

- Nguồn số 04: nước nhiễm dầu được thu gom về hố thu trước khi xả vào sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước nhiễm dầu:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước nhiễm dầu → hố thu (tấm thấm hút dầu) → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: hố thu tại nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên có dung tích 88,4 m^3 và hố thu tại nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới có dung tích 87,3 m^3; 02 máy lọc tách dầu tại mỗi nhà máy với công suất xử lý của máy 10 m^3/h.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: tấm thấm hút dầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời.

- Theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí hệ thống xử lý nước nhiễm dầu đảm bảo chất lượng nước trước khi xả ra nguồn tiếp nhận đạt quy chuẩn hiện hành. Trường hợp chất lượng nước thải không đáp ứng yêu cầu, phải dừng ngay việc xả nước thải ra môi trường, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh từ hệ thống, thiết bị để thay thế, sửa chữa kịp thời. Nếu sự cố không thể khắc phục nhanh, phải tạm dừng hoạt động để không phát sinh nước thải, kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa thiết bị, bộ phận bị hỏng; sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành lại trạm xử lý nước thải, bảo đảm các trạm vận hành ổn định (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu) mới hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Các điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý nước nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước nhiễm dầu của Cơ sở.

3.5. Trường hợp có sự điều chỉnh quy định phân vùng tiếp nhận nước thải của cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: khu vực tổ máy phát điện nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên.

- Nguồn số 02: máy phát điện dự phòng của nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc trên.

- Nguồn số 03: khu vực tổ máy phát điện nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới.

- Nguồn số 04: máy phát điện dự phòng của nhà máy thủy điện Đắk R'Tih bậc dưới.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	**Khoảng thời gian (đơn vị: dBA)**		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	**Tối (18h00 đến trước 22h00)**	**Đêm (22h00 đến trước 06h00)**
Khu vực E	70	65	60

2.2. Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	**Khoảng thời gian (đơn vị: dB)**	
	Từ 6 giờ đến trước 22 giờ	**Từ 21 giờ đến 6 giờ**
Khu vực D	75	70

Ghi chú: áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) theo đề nghị và cam kết của Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R'Tih.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Các khu vực bố trí tổ máy phát điện nằm trong phạm vi khu vực có tường bao, vách ngăn cách âm và các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung khác được bố trí cách xa khu dân cư, bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định, do đó, không yêu cầu phải bổ sung thêm công trình, biện pháp giảm thiểu. Công ty cam kết trong quá trình vận hành thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp giảm thiểu bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: không có.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)	
			Nhà máy thủy điện bậc trên	Nhà máy thủy điện bậc dưới
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5,5	4
2	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	100	80
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	83	70
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	9,5	9
5	Pin, ắc quy	19 06 01	10	10
	Tổng		**208**	**173**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)	
			Nhà máy thủy điện bậc trên	Nhà máy thủy điện bậc dưới
1	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải có amiăng	15 02 10	75	70
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	45	60
Tổng khối lượng			**120**	**130**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 1,8 tấn/năm (mỗi nhà máy phát sinh khoảng 0,9 tấn/năm).

1.4. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)	
			Nhà máy thủy điện bậc trên	Nhà máy thủy điện bậc dưới
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	08 02 08	4	4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng có nắp đậy, dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

Diện tích 10 m^2 (mỗi nhà máy có 01 kho lưu chứa với diện tích 5 m^2).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Các thùng nhựa lưu giữ chất thải có nắp đậy, được để tại các vị trí thuận lợi cho việc phân loại, thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Các thùng nhựa lưu giữ chất thải có nắp đậy, được để tại các vị trí thuận lợi cho việc phân loại, thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện thu gom chất thải phù hợp với lượng, loại chất thải theo quy định của pháp luật. Thực hiện phân loại chất thải phát sinh theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) và theo quy định của chính quyền địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1618/QĐ-BTNMT ngày 06/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy thủy điện Đắk R'Tih"; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

3. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, các hạng mục công trình theo đúng quy hoạch, quy định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật về đất đai đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT; đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.